

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20-7/TTC-BH/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 84-276 -3753250

Fax: 84-276-3839834

E-mail: ttes@ttesugar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3900244389

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Đường tinh luyện (Thái Lan)**

2. Thành phần: Đường mía

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Bao 50 kg.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao PE, bên ngoài là bao PP. Miệng bao được may bằng loại chỉ bền.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ:

- Sản xuất tại: THAI UDONTHANI SUGAR MILL CO., LTD.
- Địa chỉ: 118 Moo 10 Kambong, Banplue, Udonthani 41160, Thailand.

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm nhập khẩu và chất lượng hàng hóa:

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8 - 2: 2011/BYT: Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng asen	mg/kg, không lớn hơn	1
2	Hàm lượng chì	mg/kg, không lớn hơn	0.5

3	Hàm lượng thủy ngân	mg/kg, không lớn hơn	0.05
4	Hàm lượng cadmi	mg/kg, không lớn hơn	1

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- TCVN 7270: 2003/BYT: Yêu cầu vệ sinh

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU / 10g, không lớn hơn	200
2	Nấm men	CFU / 10g, không lớn hơn	10
3	Nấm mốc	CFU / 10g, không lớn hơn	10
4	Hàm lượng SO ₂	mg/kg, không lớn hơn	9

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Coliforms	CFU / 1g, không lớn hơn	100
2	E. coli	CFU / 1g, không lớn hơn	3
3	Staphylococcus aureus	CFU / 1g, không lớn hơn	100
4	Salmonella	spp./ 25g	Không có
5	Aflatoxin B1	µg/kg	5
6	Aflatoxin B1 B2 G1 G2	µg/kg	15

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	2, 4 – D	mg/kg, không lớn hơn	0.05
2	Aldicarb	mg/kg, không lớn hơn	0.1
3	Azinphos – Methyl	mg/kg, không lớn hơn	0.2
4	Carbofuran	mg/kg, không lớn hơn	0.1
5	Chlorantraniliprole	mg/kg, không lớn hơn	0.5
6	Clothianidin	mg/kg, không lớn hơn	0.4
7	Cyhalothrin	mg/kg, không lớn hơn	0.05
8	Cypermethrins	mg/kg, không lớn hơn	0.2
9	Dicamba	mg/kg, không lớn hơn	1
10	Ethoprophos	mg/kg, không lớn hơn	0.02
11	Glyphosate	mg/kg, không lớn hơn	2

12	Imazapic	mg/kg, không lớn hơn	0.01
13	Isoxaflutole	mg/kg, không lớn hơn	0.01
14	Mesotrione	mg/kg, không lớn hơn	0.01
15	Novaluron	mg/kg, không lớn hơn	0.5
16	Propiconazole	mg/kg, không lớn hơn	0.02
17	Tebufenozide	mg/kg, không lớn hơn	1
18	Trinexapac - ethyl	mg/kg, không lớn hơn	0.5

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về Nhãn hàng hóa.

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

3.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toi khô.
- Màu sắc: Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cho dung dịch trong suốt.
- Mùi vị: Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ.

3.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
Hàm lượng saccharose (Pol)	%, không nhỏ hơn	99.8
Màu	Icumsa, không lớn hơn	45
Độ ẩm	%, không lớn hơn	0.05
Hàm lượng tro dẫn điện	%, không lớn hơn	0.04
Hàm lượng đường khử	%, không lớn hơn	0.04

V. Hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
- Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 04 tháng 05 năm 2020



Lê Đức Tôn



100 mm

65 mm

Sản Phẩm: ĐƯỜNG TINH LUYỆN

Thành phần: Đường Mía

Saccharose không nhỏ hơn: 99.8%

Thông tin dinh dưỡng(/100g):

Năng lượng: 399,2 Kcal

Hydrat Carbon: 99.8%

Chất đạm: 0 Chất béo: 0

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Khối lượng tịnh: 50 kg

Xuất xứ hàng hóa: Thái Lan

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN

THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu,

Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Hỗ trợ khách hàng: 0898777808

Sản xuất tại:

**THAI UDONTHANI SUGAR MILL
CO.LTD.**

118 MOO 10 Kambong, Banplue,

Udonthani 41160, Thailand



PRODUCT OF THAILAND

น้ำตาลทรายขาวบริสุทธิ์

REFINED SUGAR

น้ำหนักสุทธิ 50 กก.

NET WEIGHT 50 KGS.

ห้ามใช้เบรคมือ USE NO HOOK

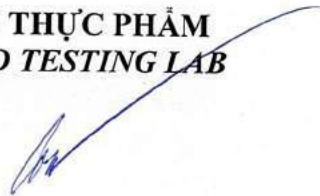
KT3-00603BTP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/02/2020
Page 01/04

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TINH LUYỆN (THÁI LAN)
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 13/02/2020
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 13/02/2020 – 21/02/2020
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Tân Châu, Tây Ninh
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02-04/04*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2005 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan^(*)/ Sensory test - Trạng thái/ State - Màu sắc / Colour - Mùi vị / Odour & taste	QTTN/KT3 234 : 2019	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toi khô, không vón cục/ White crystals, equal size, dry, no curdle Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cho dung dịch trong suốt/ White crystals, clear solution when add water Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ Crystal sugar or solution of sugar in water have sweet taste, free from foreign odor & taste
7.2. Độ Pol ở 20 °C Polarization at 20 °C	GS1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA	-	99,9
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugars content (m/m)	GS 2/3/9-5 (2011) ICUMSA	-	1,00 x 10 ⁻²
7.4. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	2,50 x 10 ⁻²
7.5. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash content (m/m)	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	1,50 x 10 ⁻²
7.6. Độ màu ICUMSA, IU Color	TCVN 6333 : 2010	-	24,2

7. Kết quả thử nghiệm : Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.7. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2013.06))	6,00 x 10 ⁻³	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	1,50 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg AOAC 2016 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng aflatoxin B1, Aflatoxin B1 content	µg/kg AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content	µg/kg AOAC 2016 (991.31)		
• B1		0,25	Không phát hiện Not detected
• B2		0,10	Không phát hiện Not detected
• G1		0,25	Không phát hiện Not detected
• G2		0,10	Không phát hiện Not detected
7.13. Năng lượng/ Calories • kcal/100 g	QTTN/ KT3 024 : 2018	-	400
7.14. Hàm lượng carbohydrate, Carbohydrate content	g/100 g U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	100
7.15. Hàm lượng béo, Fat content	g/100 g QTTN/KT3 139 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/8 (p.10)- 1986)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng protein, Protein content	g/100 g QTTN/KT3 140 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.221)- 1986) Kjeldahl method	0,1	Không phát hiện Not detected
7.17. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), Sulfur dioxide content	mg/kg GS2/1/7/9-33 (2011) ICUMSA	-	0,34

7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.18. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, <i>Mesophillic bacteria</i> CFU/10 g	GS 2/3 – 41 (2011) ICUMSA 2017	-	2,0 x 10 ¹
7.19. Tổng số nấm men, <i>Total yeasts</i> CFU/10 g	GS 2/3 – 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>
7.20. Tổng số nấm mốc, <i>Total moulds</i> CFU/10 g	GS 2/3 – 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>
7.21. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(**) <i>Less than</i>
7.22. <i>E.Coli</i> , CFU/g	ISO16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 10 ^(**) <i>Less than</i>
7.23. <i>Salmonella</i> spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.24. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(**) <i>Less than</i>

Ghi chú/Notice: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(**): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g; 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g; 10 CFU/g when the dish contains no colony.*



Report N°: 2002210484

Page N°: 1/5

Ho Chi Minh City, Date: February 21, 2020
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 21/02/2020

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL20/01379-1
Đơn hàng: FDL20/01379-1

CLIENT'S NAME : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : XÃ TÂN HƯNG, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH
Địa chỉ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description Mô tả mẫu	: SUGAR Đường
Number of sample Số lượng mẫu	: 01 sample 01 mẫu
Sample characterisation/ condition Tình trạng mẫu	: Sample (approx. 1.2kg) in plastic bag Mẫu (khoảng 1.2kg) chứa trong túi nhựa
Client's reference Chú thích của khách hàng	: ĐƯỜNG TINH LUYỆN (THÁI LAN)
Date sample(s) received Ngày nhận mẫu	: February 14, 2020 14/02/2020
Testing period Thời gian thử nghiệm	: February 14 – February 21, 2020 14/02/2020 – 21/02/2020
Test requested Yêu cầu thử nghiệm	: As applicant's requirement Theo yêu cầu của khách hàng
Test result Kết quả kiểm nghiệm	: Please refer to the next page(s) Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh
Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2
IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticatteeCertificate.jsp>.

DETAIL TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
1. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
2. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
3. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
4. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb, aldicarb sulfoxide và aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
5. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
6. Carbofuran <i>Carbofuran</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
7. Carbofuran-3-OH <i>Carbofuran-3-OH</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
8. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran được sinh ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và carbofuran-3-OH quy về carbofuran)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i>	mg/kg
9. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.005	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park In Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at

<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
10. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	BS EN 15662:2018	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
11. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
12. Cypermethrin (sum of isomers) <i>Cypermethrin (tổng các đồng phân)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
13. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
14. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
15. Mesotrione <i>Mesotrione</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
16. Novaluron <i>Novaluron</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
17. Propiconazole (sum of isomers) <i>Propiconazole (tổng của các đồng phân)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.007	mg/kg
18. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	BS EN 15662:2018, mod.	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg
19. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng của 2,4-D, bao gồm muối, ester và các dạng liên kết của nó, quy về 2,4-D)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
20. Dicamba <i>Dicamba</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.03	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN.III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
21. Imazapic <i>Imazapic</i>	BS EN 15662:2018, mod.	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.002	mg/kg
22. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axít), dạng muối và ester của nó, quy về trinexapac)</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.003	mg/kg
23. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631-639	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.02	mg/kg

Note/Ghi chú:

- LOD = Limit of Detection/ Giới hạn phát hiện
- When the chemical analyte is detected but the concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ". If the result was calculated from sum of individual analytes, it was done without single values below LOQ taken into account. For microbiological analyte, according to the plate count testing method with dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies was not formed was reported as <10 cfu/g.
Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là "< LOQ". Nếu kết quả được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện không bao gồm các giá trị đơn lẻ nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <10 cfu/g.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at

<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH
SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu
không có thông báo đặc biệt khác
END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyễn Thị Minh Khai St., Ward 6, Dist. 3, Hồ Chí Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN.III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh
Ward, Tân Phú Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park In Can Tho, 8th St., Tra Noc 2
IZ, Phước Thới Ward, Ô Môn Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921
www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

Số: 166/2020/CV/TTC-BH
V/v Điều chỉnh hồ sơ 20-7/TTC-BH/2020

Tây Ninh, ngày 09 tháng 06 năm 2020

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 02 tháng 02 năm 2018,
Tuân thủ các Văn bản pháp luật về An toàn thực phẩm đã ban hành, Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa chúng tôi đã thực hiện việc công bố chất lượng các sản phẩm nhập khẩu theo quy định.
Tuy nhiên, một số thông tin chưa chuẩn xác. Chúng tôi xin được điều chỉnh nội dung trong bản tự công bố sản phẩm và nhãn phụ, cụ thể như sau:

STT	Số hồ sơ	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh	Tài liệu thay đổi
01	20-7/TTC-BH/2020	Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	E. coli: không lớn hơn 3 CFU/ 1g - Aflatoxin B1: 5 µg/kg - Aflatoxin B1 B2 G1 G2: 15 µg/kg	E. coli: không lớn hơn 3 MPN/ 1g - Aflatoxin B1: không lớn hơn 5 µg/kg - Aflatoxin B1 B2 G1 G2: không lớn hơn 15 µg/kg	Bản tự công bố sản phẩm
02		Thông tin dinh dưỡng (/100g)	Năng lượng: 399,2 Kcal Hydrat Carbon: 99.8% Chất đạm: 0 Chất béo: 0	(Bỏ)	Nhãn phụ
03		Ngày sản xuất Hạn sử dụng	(Chưa có)	Ngày sản xuất: Xem MFG trên bao bì Hạn sử dụng: Xem EXP trên bao bì	Nhãn phụ

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục về nội dung điều chỉnh hồ sơ tự công bố chất lượng số 20-7/TTC-BH/2020 mà Công ty chúng tôi đã công bố ngày 04/05/2020.

Trân trọng,

Nơi đến:

- Như trên.

- Lưu P. QHSE



ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Lê Đức Tôn

100 mm

65 mm

Sản Phẩm: ĐƯỜNG TINH LUYỆN

Thành phần: Đường Mía
Saccharose không nhỏ hơn: 99,8 %
Khối lượng tịnh: 50 kg

Ngày sản xuất: Xem MFG trên bao bì
Hạn sử dụng: Xem EXP trên bao bì
Xuất xứ hàng hóa: Thái Lan

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Nhập khẩu bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Hỗ trợ khách hàng: 0898777808

Sản xuất tại:
THAI UDONTHANI SUGAR MILL
CO., LTD
118 Moo 10 Kambong, Banplue,
Udonthani 41160, Thailand.

Số: 20-7/TTC-BH/2020

